

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BQP

Hà Nội, ngày ... tháng 10 năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020; Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 5, Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Cải cách hành chính, phát triển Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số là xu thế tất yếu, khách quan đang diễn ra rất mạnh mẽ, sâu rộng trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Chuyển đổi số góp phần giảm thủ tục hành chính và giúp chính quyền các cấp nâng cao năng lực quản lý, điều hành hiệu quả. Thời gian qua, Đảng, Nhà nước rất coi trọng và xem chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; việc chuyển đổi số, được xác định là nội dung quan trọng trong các mục tiêu, quan điểm phát triển và đột phá chiến lược của đất nước. Nhiều Nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng và văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, trong các văn bản này đều giao nhiệm vụ cho Ban Cơ yếu Chính phủ giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước, phát triển, cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ (chuyên dùng Chính phủ), cụ thể là:

Nghị Quyết số 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị về Chiến lược phát triển ngành Cơ yếu Việt Nam đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045, xác định: “Lực lượng cơ yếu chủ trì triển khai sản phẩm mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước, hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; phát triển, mở rộng hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tiên tiến, hiện đại”, và “Mục tiêu đến năm 2025, bảo đảm cán bộ, công chức được sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ”.

Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 11/8/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 56-NQ/TW ngày 05/3/2020 của Bộ Chính trị, xác định: “Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu phát triển, mở rộng hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ hiện đại, đồng bộ, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu cung cấp, quản lý và sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan Đảng, Nhà nước, xây dựng Chính phủ điện tử; bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức được sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; phối hợp với các cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quan trọng quốc gia trong việc giám sát an toàn thông tin mạng, giải pháp phòng chống mã độc, kết hợp giải pháp bảo mật, an toàn thông tin dùng mật mã, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ”.

Ngày 22/6/2023 tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15, trong đó tại Điều 24 quy định về dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, xác định “Chính phủ quy định chi tiết Điều này (khoản 5)” và Điều 50 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giao dịch điện tử, xác định “Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về giao dịch điện tử trong lĩnh vực cơ yếu, chữ ký số chuyên dùng công vụ trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chữ ký số theo quy định của pháp luật (khoản 4)”.

Tại Điều 19 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ về lĩnh vực cơ yếu, xác định: “3. Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin mật mã quốc gia, hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, hệ thống giám sát an toàn thông tin trên mạng công nghệ thông tin trọng yếu của các cơ quan Đảng, Nhà nước; quản lý hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng mật mã”.

Tại điều 49 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 (sửa đổi năm 2023), quy định trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ, xác định: “1. Cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chip điện tử; 2. Hướng dẫn các bộ, cơ quan có liên quan sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chip điện tử; 3. Phối hợp với Bộ Công an xây dựng hệ thống thông tin tiếp nhận, lưu giữ, khai thác chứng thư số phục vụ công tác cấp, quản lý hộ chiếu có gắn chip điện tử được kết nối với Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế để xác thực, kiểm soát hộ chiếu có gắn chip điện tử”.

Tại Điều 1 Nghị định số 09/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Cơ yếu Chính phủ, quy định: “Ban Cơ yếu Chính phủ giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về giao dịch điện tử thuộc lĩnh vực bảo mật và an toàn thông tin dùng mật mã; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức xây dựng hạ tầng, bảo đảm cung cấp dịch vụ và quản lý hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng phục vụ các cơ quan thuộc hệ thống chính trị”.

2. Cơ sở thực tiễn

Từ năm 2007 đến nay, Ban Cơ yếu Chính phủ giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thống nhất quản lý, triển khai hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. Đã tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp về cơ cấu tổ chức; xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật; thiết lập, vận hành, phát triển hạ tầng kỹ thuật; nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ; bảo đảm cung cấp dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật và kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trên phạm vi toàn quốc.

Đã tham mưu Chính phủ thành lập Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ; xây dựng trình cấp có thẩm quyền và ban hành theo thẩm quyền 19 văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý; hạ tầng kỹ thuật được thiết lập đồng bộ, hiện đại, được kiểm soát chặt chẽ, làm chủ mật mã đảm bảo an toàn một cách nghiêm ngặt đáp ứng các yêu cầu cao về an toàn và bảo mật thông tin; bảo đảm cung cấp đáp ứng kịp thời 100% yêu cầu của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội với gần 700.000 chứng thư số cấp mới; gia hạn 17.000 chứng thư số, thay đổi thông tin 36.200 chứng thư số, thu hồi 59.632 chứng thư số; bảo đảm, cung cấp 62.537 bộ sản phẩm ký số trên thiết bị di động SIM PKI (tổng cộng đã đảm bảo gần 900.000 chứng thư số cho các loại hình dịch vụ). Trong đó, đối với cơ quan cấp Bộ và tương đương đã cấp 100% cho tổ chức, 95% cho lãnh đạo; đối với cấp cục, sở và tương đương đã cấp đạt 98% cho tổ chức, 96% cho lãnh đạo; đối với cấp xã phường và tương đương đã cấp được 98% cho tổ chức, 62% cho lãnh đạo; tổ chức kiểm tra, đánh giá tại 56 đầu mối (gồm 12 cơ quan Bộ, ngành Trung ương và 44 địa phương).

Chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đã được các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị ứng dụng hiệu quả trong thực tế, tiết kiệm thời gian, chi phí, nâng cao hiệu quả công việc, tăng tính công khai, minh bạch, góp phần tích cực trong cải cách hành chính, phát triển Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số.

3. Đáp ứng yêu cầu đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và yêu cầu phát triển mới

Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ được ban hành (tập trung ở Chương VII) đã quy định chi tiết về trình tự, thủ tục cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư số và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật. Tuy nhiên, Nghị định 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 chưa có hệ thống mẫu biểu và quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, các nội dung này được hướng dẫn tại Thông tư số

185/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Do đó, dự thảo Nghị định được xây dựng theo hướng tích hợp các nội dung tại Thông tư số 185/2019/TT-BQP để khi Nghị định được ban hành có thể thực hiện ngay mà không cần xây dựng thêm Thông tư hướng dẫn.

Đồng thời, trong thời gian qua, một số văn bản quy phạm pháp luật mới đã được ban hành có các quy định liên quan đến lĩnh vực điều chỉnh của Nghị định, như: Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật cần được cập nhật, bổ sung cho phù hợp. Bên cạnh đó, việc phân cấp, ủy quyền cần được đẩy mạnh hơn nữa nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu về sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống chính trị; cùng với đó, một số công nghệ ký số mới, phương thức thực hiện mới cần được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển.

Trên cơ sở những nội dung phân tích ở trên, việc xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

- Tạo lập cơ sở pháp lý cho hoạt động cung cấp, quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị, đảm bảo tính khả thi và phù hợp, bao quát được thực tiễn, cũng như tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đảm bảo cải cách thủ tục hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về cơ yếu, chữ ký số chuyên dùng công vụ.

2. Quan điểm xây dựng

- Thể chế đầy đủ quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng ngành Cơ yếu Việt Nam cách mạng, chính quy, tiến thẳng lên hiện đại.

- Bảo đảm tính kế thừa, phát triển những quy định của pháp luật hiện hành về chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đã được thực tiễn kiểm nghiệm còn phù hợp; đồng thời điều chỉnh, cập nhật, bổ sung những vấn đề mới để đáp ứng yêu cầu về cung cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đặt ra trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

- Đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để đơn giản hóa thủ tục hành chính về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ bảo đảm công khai, minh bạch, khả thi và hiệu quả trong việc thực hiện các quy định của pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Quốc phòng đã giao Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp các bộ, ban, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai xây dựng dự thảo Nghị định theo đúng Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể:

- Thành lập Ban Soạn thảo Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ do đồng chí Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ là Trưởng ban soạn thảo, thành viên gồm có cơ quan chức năng thuộc Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ; các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông; Cục Cơ yếu các bộ, ngành và các cơ quan, đơn vị thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Tổ chức nghiên cứu, khảo sát, rà soát, soạn thảo, gửi văn bản xin ý kiến các ban, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng để lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định. Trên cơ sở ý kiến tham gia, nghiên cứu, tiếp thu, hoàn chỉnh gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định theo quy định.

- Ngày.../.../2024, Bộ Tư pháp đã có Văn bản số.../BCTĐ-BTP về việc thẩm định dự thảo Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã nghiên cứu tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 06 Chương và 48 Điều. Trong đó, Chương I - Những quy định chung có 08 Điều (từ Điều 1 đến Điều 8); Chương II - Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ có 17 Điều (từ Điều 9 đến Điều 25); Chương III - Cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra hộ chiếu và thẻ căn cước công dân có gắn chip điện tử gồm 02 Mục, 08 Điều (Từ Điều 26 đến Điều 33); Chương IV - Sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số có 05 Điều (từ Điều 34 đến Điều 38); Chương V - Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có 06 Điều (từ Điều 39 đến Điều 44); Chương VI - Điều khoản thi hành có 04 Điều (từ Điều 45 đến Điều 48).

2. Nội dung cơ bản

- Tên gọi của Nghị định: Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ.

- Chương I: Quy định chung gồm 08 điều (từ Điều 1 đến Điều 8) quy định về: Phạm vi điều chỉnh; Đối tượng áp dụng; Giải thích từ ngữ; Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; Nguyên tắc trong

sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực; Gửi, nhận thiết bị lưu khóa bí mật; Gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực, thiết bị lưu khóa bí mật trong Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao.

Chương II: Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, gồm 17 điều (từ Điều 9 đến Điều 25) quy định về: Dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; Nội dung chứng thư chữ ký số; Tạo và phân phối các cặp khóa; Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số; Điều kiện cấp mới chứng thư chữ ký số; Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp chứng thư chữ ký số; Điều kiện gia hạn chứng thư chữ ký số; Hồ sơ, trình tự, thủ tục gia hạn chứng thư chữ ký số; Điều kiện thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số; Các trường hợp thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số; Hồ sơ, trình tự, thủ tục thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số; Các trường hợp thu hồi chứng thư chữ ký số; Thẩm quyền đề nghị thu hồi chứng thư chữ ký số; Hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi chứng thư số; Thu hồi, tiêu hủy thiết bị lưu khóa bí mật sau khi chứng thư chữ ký số hết hạn sử dụng hoặc bị thu hồi; Cấp chứng thư chữ ký số sau khi chứng thư chữ ký số cũ hết hạn hoặc chứng thư chữ ký số bị thu hồi; Khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật.

Chương III: Cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra hộ chiếu và thẻ căn cước công dân có gắn chip điện tử gồm 02 Mục, 08 Điều (từ Điều 26 đến Điều 33), trong đó Mục 1 quy định về cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra hộ chiếu có gắn chip điện tử gồm 04 Điều từ (Điều 26 đến Điều 29): Thời hạn hiệu lực của chứng thư chữ ký số; Gửi, nhận yêu cầu chứng thực; Điều kiện cấp chứng thư chữ ký số; Trình tự, thủ tục cấp chứng thư chữ ký số; Thu hồi chứng thư chữ ký số. Mục 2 quy định về cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra căn cước công dân có gắn chip điện tử gồm 04 Điều (từ Điều 30 đến Điều 33): Thời hạn hiệu lực của chứng thư chữ ký số; Gửi, nhận yêu cầu chứng thực; Điều kiện cấp chứng thư chữ ký số; Trình tự, thủ tục cấp chứng thư chữ ký số; Thu hồi chứng thư chữ ký số.

Chương IV: Sử dụng chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số, gồm 05 Điều (từ Điều 34 đến Điều 38), quy định về: Quy trình tạo chữ ký số; Quy trình kiểm tra chữ ký số; Quy trình kiểm tra hiệu lực chứng thư chữ ký số; Kiểm tra hiệu lực đường dẫn chứng thực; Yêu cầu kỹ thuật và chức năng đối với phần mềm ký số, kiểm tra chữ ký số.

Chương V: Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, gồm 06 Điều (từ Điều 39 đến Điều 44), quy định về: Trách nhiệm quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ của các cơ quan, tổ chức; Trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ; Trách nhiệm của Tổ chức cung cấp dịch vụ

chúng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp; Trách nhiệm của các tổ chức Cơ yếu trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao; Trách nhiệm của Thuê bao.

Chương VI: Điều khoản thi hành, gồm 04 điều (từ Điều 45 đến Điều 48), quy định về: Sửa đổi, thay thế một số Điều của các Nghị định có liên quan; Điều khoản chuyển tiếp; Hiệu lực thi hành và Trách nhiệm thi hành.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ, Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm Hồ sơ dự thảo Nghị định: (1) Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định; (2) Dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (4) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (5) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; (6) Báo cáo tác động của chính sách; (7) Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính.)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư Pháp;
- Lưu: VT, BCY; HVT Huy06b.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phan Văn Giang